

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 828/2026/HS-PT

Ngày: 18-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Thị Hà

2/ Ông Hoàng Bích Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 662/2026/TLPT-HS ngày 05/8/2026 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 308/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu Đ; giới tính: Nam; sinh ngày 18 tháng 6 năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Số CCCD: 079098009502; nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: 6 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 2002 và có 01 người con sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2025 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa);

- Bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị: Bà Phạm Thị Triều A, sinh năm: 2002; Trú tại: 389/27/44 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mộng N và Trần Đình L không liên quan đến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu Đ, nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 20 phút ngày 04/10/2025, Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô biển số 59F1-149.59 chở vợ là Nguyễn Thị Mộng N gửi tại bãi xe số H C, phường C để đi dạo. Đến khoảng 01 giờ 03 phút ngày 05/10/2025, Đ đi vào bãi xe để lấy xe ra về thì phát hiện trên yên sau xe mô tô hiệu Honda biển số 59G2-634.87 (của Phạm Thị Triều A) có để 01 túi đựng laptop màu đen, Đ mở ra kiểm tra thì phát hiện 01 iPad gen 10 màu xanh dương và 01 laptop ASUS VivoBook màu xám trắng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng lúc không ai chú ý, Đ đã mở cốp xe của mình lấy áo mưa có sẵn rồi quay lại xe của Phạm Thị Triều A quấn che túi đựng laptop lại và đặt tất cả trên B ở giữa xe của mình, sau đó điều khiển xe bỏ đi. Đến khoảng 07 giờ 20 phút, ngày 05/10/2025, Phạm Thị Triều A mở cốp xe lấy đồ thì phát hiện 02 tài sản trên đã bị mất nên đến Công an phường C để trình báo về sự việc trên.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Đ ra khỏi bãi giữ xe và đón vợ là Nguyễn Thị Mộng N đi về. Đến khoảng 01 giờ 20 phút, ngày 05/10/2025, trên đường đi về, Đ chở N đến Tiệm cầm đồ 269 tại B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Trương Quang H1 (là nhân viên tiệm cầm đồ) để cầm máy Laptop nhưng máy có mặt khóa màn hình, Đ không mở được máy nên H1 không nhận cầm Laptop. Đến khoảng 08 giờ ngày 05/10/2025, Đ lên mạng tải app mở mặt khóa màn hình và mở được máy Laptop hiệu ASUS VivoBook. Khoảng 13 giờ 22 phút, ngày 05/10/2025, Đ chở N đến tiệm C tại B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Trần Đình L (là nhân viên tiệm cầm đồ) cầm máy Laptop hiệu ASUS VivoBook với giá là 2.500.000 đồng.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra đã tiến hành mời Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Mộng N, Trần Đình L, Trương Quang H1 về trụ sở Công an phường C để điều tra làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp 01 laptop và 01 iPad gen 10 như đã nêu trên. Lời khai của Đ phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan; biên bản làm việc; biên bản đối chất, nhận dạng, hình ảnh camera ghi nhận và các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được.

Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân phường C xác định: 01 iPad Gen 10 màu xanh, model: MPQ13ZA/A, số seri: H593XRVM0M dung lượng 64GB, đã qua sử dụng là 6.000.000 đồng; 01 laptop hiệu ASUS màu xám bạc, model: Vivobook Asus Laptop X512FLC A512FL, Core I, Ram 8GB đã qua sử dụng là 5.000.000 đồng.

***Tại cơ quan điều tra:** Nguyễn Thị Mộng N khai nhận: Sau khi biết sự việc Đ chiếm đoạt 01 iPad gen 10 màu xanh dương và 01 laptop ASUS VivoBook màu xám trắng thì N có khuyên can nhưng Đ không nghe. Vào khoảng 01 giờ 20 phút và 13 giờ 22 phút, ngày 05/10/2025, Đ có chở N đến tiệm cầm đồ 269 tại B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm đồ, N đứng ngoài không tham gia vào việc cầm cố

tài sản nên N không biết Đ cầm cố tài sản nào, được bao nhiêu tiền. Sau khi xong việc, Đ nói với N cầm được 2.500.000 đồng. Sau đó Đ dùng tiền đó để mua vật dụng, sửa tã cho con.

Trương Quang H1 khai nhận: Vào khoảng 01 giờ ngày 05/10/2025 khi đang làm việc tại tiệm cầm đồ 269 thì Nguyễn Hữu Đ có đến để cầm 01 laptop nhưng Đ không mở được laptop nên H1 không nhận cầm.

Trần Đình L khai nhận: Vào khoảng 13 giờ 22 phút ngày 05/10/2025 khi đang làm việc tại tiệm cầm đồ 269 thì Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô biển số 59F1-149.59 chở theo một người phụ nữ và nói muốn cầm laptop. Khi hỏi về nguồn gốc của laptop thì Đ bảo là chính chủ, máy không có mật khẩu nên L đồng ý nhận cầm với giá 2.500.000 đồng.

***Vật chứng vụ án:**

-01 iPad Gen 10 màu xanh, model: MPQ13ZA/A, số seri: H593XRVM0M dung lượng 64GB. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại Phạm Thị Triều A; 01 laptop hiệu ASUS màu xám bạc, model: Vivobook Asus Laptop X512FLC A512FL. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại Phạm Thị Triều A; 01 áo sơ mi tay dài màu đen; 01 quần dài màu đen; 01 đôi giày màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen (là trang phục Đ mặc lúc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản); 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu trắng đỏ, biển số: 59F1-149.59; số khung: RLHJF270XBY769680; số máy: JF27E0848968. Đây là tài sản cá nhân của Đ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Redmi Note 13 Pro màu đen; IMEI 1: 860834070323085; IMEI 2: 860834070323093. Đây là tài sản cá nhân của Đ, đã qua sử dụng.

-Thu giữ của Nguyễn Thị Mộng N: 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh, IMEI 1: 350777734986432; IMEI 2: 350777734782765, dung lượng 128GB. Đây là tài sản cá nhân của Nghi, đã qua sử dụng.

***Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Phạm Thị Triều A đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bồi thường. Ông Trần Đình L đã được ông Nguyễn Hữu Đ bồi thường lại số tiền 2.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

**Tại Bản Cáo trạng số 308/CT-VKS-KV1 ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025;*

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 308/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2026, bị cáo Nguyễn Hữu Đ có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Hữu Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã hoàn trả tài sản cho bị hại, cũng như đã trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 2.500.000 đồng và có cha ruột là cựu chiến binh được Bộ Q tặng “Bằng khen”, có bà ngoại là “Mẹ Việt Nam anh hùng”, bị cáo là lao động chính duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:* Sau khi tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của bị cáo, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 là có căn cứ, đúng tội và không oan sai. Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp một số tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo tranh luận với đại diện Viện kiểm sát như sau: Hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là do bộc phát nhất thời. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có công việc ổn định; bị cáo là con của gia đình có công cách mạng, bà ngoại là Mẹ Việt Nam anh hùng, cha bị cáo là cựu chiến binh tham gia cách mạng ở Campuchia, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Chỉ vì tham lam nên bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Qua nội dung đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 24/6/2026, Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 06/7/2026, bị cáo Nguyễn Hữu Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng hơn 01 giờ ngày 05/10/2025, bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã lén lút trộm cắp 01 iPad gen 10 màu xanh dương và 01 laptop ASUS VivoBook màu xám trắng của chị Phạm Thị Triều A, tổng tài sản bị trộm cắp qua định giá có giá trị 11.000.000 đồng, rồi 13 giờ 22 phút, ngày 05/10/2025, Đ đến tiệm C tại B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cầm tài sản vừa trộm cắp được số tiền 2.500.000 đồng.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp “*Tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo:

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Về hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo, khi lượng hình thì Tòa án nhân dân khu vực 1 đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để quyết định hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh đã trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 2.500.000 đồng, bị cáo có cha ruột là cựu chiến binh được Bộ Q tặng “*Bằng khen*”, có bà ngoại là “*Mẹ Việt Nam anh hùng*”, bị cáo là lao động chính duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các tình tiết giảm nhẹ khác bị cáo nêu đều đã được cấp sơ thẩm xem xét. Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã cân nhắc về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, trên cơ sở tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo để tuyên phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là phù hợp, mặc dù bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và y án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Đ và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 308/2026/HS-ST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 09 (Chín) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án của Ủy ban thường vụ Q1,

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (1) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 1; | (1) |
| - TAND Khu vực 1; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 1; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (20) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn